

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HNGĐ - ST**
Ngày: 15-6-2020
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Xoan**

2. Ông **Lê Đức Lam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Hồng Ng**, sinh năm 1997;
Địa chỉ: thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thành V**, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Võ Thị Hồng Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Thành V** sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 06/10/2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã K, huyện Đ. Quá trình sống chung, vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ, con; thời gian chị về lại nhà mẹ ruột tại Tuy Phước, Bình Định vào đầu năm 2017 để sinh con nhưng anh V cũng không quan tâm, thăm nom, hỏi han; ngoài ra anh V có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù thông cảm, bỏ qua và nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng sống hạnh phúc nhưng anh V không thay đổi nên vợ chồng thường

xuyên cãi vã, xung đột khiến chị tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Do không chịu đựng được lối sống, tính cách của anh V nên tháng 01/2018 chị đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có một người con chung là cháu Trần Gia V, sinh ngày 10/3/2017. Do không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay cháu V đang ở với anh V. Vì vậy, chị đồng ý giao con cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Bị đơn anh Trần Thành V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, chị Ng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh V vắng mặt không có lý do, chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn anh V không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị Hồng Ng và anh Trần Thành V được ly hôn; về con chung: giao cháu Trần Gia V cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về tài sản chung: chị Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: chị Ng cho rằng không có nợ chung, anh V vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nợ chung, nếu sau này có tranh chấp về nợ chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với anh V, anh V có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 29 tháng 5 năm 2020, chị Ng, anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ng, anh V theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh V đã được UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2016 ngày 06/10/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Ng, anh V là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”

Tuy nhiên, theo chị Ng trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V sống thiếu trách nhiệm, ngay cả khi chị sinh con nhưng không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con; ngoài ra anh V còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác khiến chị tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần nên tháng 01/2018 chị đã chuyển về nhà mẹ ruột ở Tuy Phước, Bình Định sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Đối với anh V đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương tham gia tố tụng, thể hiện ý kiến về việc chị Ng yêu cầu ly hôn với anh nhưng không đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa; điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 27/12/2019 bà Nguyễn Thị Tr là mẹ ruột của chị Ng cho biết “*Quá trình sống chung thì vợ chồng chị Ng, anh V không hạnh phúc, anh V không quan tâm đến vợ con, khi chị Ng sinh con và ở nhà của bà tại Tuy Phước, Bình Định nhưng anh V cũng không hỏi han, chăm sóc. Sau khi sinh con được 04 tháng chị Ng trở về xã Ka Đô, Đơn Dương sinh sống cùng anh V nhưng anh V cũng không quan tâm mà đuổi chị Ng đi nên từ đầu năm 2018 chị Ng đã chuyển về ở với bà tại Bình Định*”. Cũng theo Biên bản xác minh ngày 06/02/2020 ông Trần K là cha ruột của anh V cho biết “*Sau khi kết hôn, vợ chồng anh V chung sống cùng gia đình ông tại xã Ka Đô, huyện Đơn Dương. Thời gian đầu thấy cuộc sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xung đột. Khi chị Ng sinh con thì về Bình Định, sau đó trở vào xã Ka Đô, huyện Đơn Dương sinh sống cùng anh V. Tuy nhiên, được thời gian thì hai bên không tiếp tục sống chung sống nữa, đến đầu năm 2018, chị Ng đã trở về nhà*

mẹ ruột tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay”.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh V có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn kéo dài nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn huyên tình cảm. Chứng tỏ hôn nhân của chị Ng, anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Ng và anh V được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Ng và anh V có một người con chung là cháu Trần Gia V, sinh ngày 10/3/2017. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Theo Biên bản xác minh của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần K đều cho biết hiện nay cháu V đang ở với anh V; cả bà Tr, ông K đều thể hiện ý kiến trường hợp Tòa án cho chị Ng, anh V ly hôn thì nên giao cháu V cho anh V nuôi dưỡng, ông Trần K sẽ cùng gia đình hỗ trợ để anh V nuôi con. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu V đã trên 36 tháng tuổi, hiện nay cháu đang do anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định khi ở với bố, hơn nữa chị Ng cũng thể hiện ý kiến, do điều kiện khó khăn, không đảm bảo cuộc sống tốt cho con nên đồng ý giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu V cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đảm bảo để cho cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ng cho rằng không có nợ chung. Đối với anh V, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc nhưng vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Ng phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh V không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 205, 206, 207, 220, 227, 228, 238, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Hồng Ng đối với bị đơn anh Trần Thành V.

Cho chị Võ Thị Hồng Ng và anh Trần Thành V được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Gia V, sinh ngày 10/3/2017 cho anh Trần Thành V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Võ Thị Hồng Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0016076 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (chị Ng đã nộp đủ). Anh Trần Thành V không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn